



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 21

01
C
TRÁC
I
01

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Số 37, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

<u>Hội đồng Quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Văn Tông	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Phấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Như Lâm	Ủy viên
Ông Vũ Văn Thiệu	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Ủy viên

<u>Ban Giám đốc</u>	
Ông Vũ Văn Thiệu	Tổng Giám đốc
Bà Lê Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Thiệu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Số: 192 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được lập ngày 08/08/2013 của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 03 đến trang 21 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Các thủ tục kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0517-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013



Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0917-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MÁU SỐ B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		21.701.050.998	22.393.151.698
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	15.646.225.624	18.005.490.451
1. Tiền	111		4.156.225.624	1.345.490.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.490.000.000	16.660.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.678.329.090	1.845.061.133
1. Phải thu khách hàng	131	5	3.408.905.242	1.542.858.822
2. Trả trước cho người bán	132		148.761.904	205.962.171
3. Các khoản phải thu khác	135		120.661.944	96.240.140
III. Hàng tồn kho	140	6	1.971.897.076	2.322.742.580
1. Hàng tồn kho	141		1.971.897.076	2.322.742.580
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		404.599.208	219.857.534
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		256.580.777	110.339.103
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		10.518.431	10.518.431
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		137.500.000	99.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		58.719.971.934	59.987.661.143
I. Tài sản cố định	220		57.583.215.061	59.436.504.018
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	57.583.215.061	59.436.504.018
- Nguyên giá	222		88.227.401.572	91.650.708.726
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.644.186.511)	(32.214.204.708)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.136.756.873	551.157.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.136.756.873	551.157.125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		80.421.022.932	82.380.812.841

B. /
TY
DU
AN
O
P. /

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MÁU SỐ B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.864.713.333	11.513.839.613
I. Nợ ngắn hạn	310		12.543.403.674	11.491.421.431
1. Phải trả người bán	312	9	3.146.831.255	1.467.243.509
2. Người mua trả tiền trước	313		129.649.324	52.734.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	3.934.903.483	5.741.337.280
4. Phải trả người lao động	315		1.647.029.941	949.243.636
5. Chi phí phải trả	316		4.800.000	196.126.005
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	2.519.930.296	2.410.479.508
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.160.259.375	674.257.375
II. Nợ dài hạn	330		321.309.659	22.418.182
1. Phải trả dài hạn khác	333		100.000.000	-
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		221.309.659	22.418.182
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	12	67.556.309.599	70.866.973.228
I. Vốn chủ sở hữu	410		67.556.309.599	70.866.973.228
1. Vốn điều lệ	411		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.932.018.600	3.472.018.600
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.104.538.136	2.642.580.909
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.490.352.863	7.722.973.719
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		80.421.022.932	82.380.812.841

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ (USD)	2.559,18	2.564,63



Vũ Văn Thiệu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

MẪU SỐ B 02 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
			đến 30/06/2013	đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	26.047.432.869	23.941.677.222
2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	14	16.107.345.411	11.069.643.610
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=01-11)	20		9.940.087.458	12.872.033.612
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	849.851.461	2.230.669.710
5. Chi phí tài chính	22	17	101.520.000	312.708
6. Chi phí bán hàng	24		1.367.799.666	1.372.750.310
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.616.435.033	5.060.956.662
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		4.704.184.220	8.668.683.642
9. Thu nhập khác	31		1.693.353.424	1.717.258.014
10. Chi phí khác	32		1.713.163.164	1.635.461.613
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	18	(19.809.740)	81.796.401
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.684.374.480	8.750.480.043
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	1.226.642.505	1.460.922.341
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		3.457.731.975	7.289.557.702
15.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
15.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty	62		3.457.731.975	7.289.557.702
16. Lãi trên cổ phiếu	70	20	606	1.278



Vũ Văn Thiệu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 03 - DN/HN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	27.752.810.067	29.120.941.141
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(7.900.349.411)	(7.956.786.410)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(5.944.050.746)	(8.382.333.761)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(6.142.966.760)	(883.354.974)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	2.521.637.106	20.727.172.233
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(7.974.637.800)	(6.313.856.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.312.442.456	26.311.781.249
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(851.329.900)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	816.319.517	1.535.570.474
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	816.319.517	684.240.574
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.488.026.800)	(13.551.972.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.488.026.800)	(13.551.972.678)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(2.359.264.827)	13.444.049.145
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	18.005.490.451	11.908.879.632
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	3.797.326
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	15.646.225.624	25.356.726.103



Vũ Văn Thiệu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 05/07/2005 và các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi.

Vốn điều lệ: 57.029.400.000 đồng.

Danh sách cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1.	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	1.634.114	16.341.140.000
2.	Các cổ đông khác	1.973.573	19.735.730.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2013 là 300 người, tại ngày 31/12/2012 là 332 người.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty có 2 chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc - Trung tâm thời trang TEXTACO
Địa chỉ chi nhánh: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc - Xí nghiệp Xây dựng
Địa chỉ chi nhánh: Số 79 Phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Thông tin về Công ty con:

- Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II
Địa chỉ: Số 51 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản;
- Buôn bán hàng tiêu dùng;
- Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Riêng báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II: Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV Vải sợi may mặc miền Bắc II với tỷ lệ phần sở hữu là 100%;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con và công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

1/10
CH
K
1/10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào công ty con này.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm bao gồm chi phí sửa chữa; công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2013 Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do khoản thuế này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	272.691.815	228.759.981
Tiền gửi ngân hàng	3.883.533.809	1.116.730.470
Các khoản tương đương tiền (i)	11.490.000.000	16.660.000.000
	15.646.225.624	18.005.490.451

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Tuấn Phong	2.255.564.278	648.876.008
Cơ sở Bùi Đình Hợp	199.900.407	243.805.278
Công ty TNHH TM XNK Hiệp Minh Phát	187.200.499	327.900.874
Các khách hàng khác	766.240.058	322.276.662
	3.408.905.242	1.542.858.822

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	38.875.482	35.408.581
Công cụ, dụng cụ	12.554.208	13.220.801
Thành phẩm	444.086.945	897.311.297
Hàng hóa	1.476.380.441	1.376.801.901
Cộng	1.971.897.076	2.322.742.580
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.971.897.076	2.322.742.580

MẪU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản có định khác	Tổng	Đơn vị: VND
NGUYỄN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2013	78.734.753.635	6.859.739.325	2.835.215.705	608.493.269	2.612.506.792	91.650.708.726	
Giảm khác (i)	180.086.564	2.573.218.656	-	499.418.229	170.583.705	3.423.307.154	
Tại ngày 30/06/2013	78.554.667.071	4.286.520.669	2.835.215.705	109.075.040	2.441.923.087	88.227.401.572	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2013	21.024.204.822	6.850.845.902	2.108.178.490	514.064.739	1.716.910.755	32.214.204.708	
Khấu hao trong kỳ	1.390.776.732	7.735.036	111.123.390	40.319.084	201.931.312	1.751.885.554	
Giảm khác (i)	161.237.839	2.573.218.656	-	448.676.884	138.770.372	3.321.903.751	
Tại ngày 30/06/2013	22.253.743.715	4.285.362.282	2.219.301.880	105.706.939	1.780.071.695	30.644.186.511	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 30/06/2013	56.300.923.356	1.158.387	615.913.825	3.368.101	661.851.392	57.583.215.061	
Tại ngày 01/01/2013	57.710.548.813	8.893.423	727.037.215	94.428.530	895.596.037	59.436.504.018	

Ghi chú: (i) Giảm khác trong kỳ là do Công ty ghi giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của những tài sản cố định hữu hình không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2013 là 8.210.145.128 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2013 VND
Số dư đầu kỳ	551.157.125
Tăng trong kỳ	856.098.000
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(270.498.252)
Số dư cuối kỳ	1.136.756.873

Chi tiết nội dung số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	294.861.125	304.201.792
Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ	698.890.373	246.955.333
Chi phí khác	143.005.375	-
Tổng	1.136.756.873	551.157.125

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH Kinh doanh XNK Vải sợi Phú Lộc	3.049.749.212	1.317.361.466
Công ty TNHH Thiết bị PCCC Gia Lâm	93.045.600	93.045.600
Các khách hàng khác	4.036.443	56.836.443
Tổng	3.146.831.255	1.467.243.509

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	28.539.998	133.249.776
Thuế thu nhập doanh nghiệp	666.978.073	5.583.302.328
Tiền thuê đất	3.000.437.945	-
Thuế thu nhập cá nhân	238.947.467	24.785.176
Tổng	3.934.903.483	5.741.337.280

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhận tiền đặt cọc dịch vụ cho thuê kho xưởng	1.990.850.282	1.958.628.000
Kinh phí công đoàn	61.753.085	58.172.723
Bảo hiểm xã hội	227.451.338	-
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.363.061	12.363.061
Các khoản phải trả khác	227.512.530	381.315.724
Tổng	2.519.930.296	2.410.479.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2012	57.029.400.000	2.762.901	2.124.196.508	1.483.661.313	26.963.869.879	87.603.890.601
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.231.716.626	9.231.716.626
Tăng trong năm	-	4.204.081	1.347.822.092	1.347.822.092	-	2.699.848.265
Giảm trong năm	-	(6.966.982)	-	(188.902.496)	(28.472.612.786)	(28.668.482.264)
Số dư tại ngày 01/01/2013	57.029.400.000	-	3.472.018.600	2.642.580.909	7.722.973.719	70.866.973.228
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.457.731.975	3.457.731.975
Trích quỹ trong kỳ (i)	-	-	460.000.000	461.585.831	-	921.585.831
Tăng khác	-	-	-	371.396	-	371.396
Giảm trong kỳ (i)	-	-	-	-	(7.690.352.831)	(7.690.352.831)
Số dư tại ngày 30/06/2013	57.029.400.000	-	3.932.018.600	3.104.538.136	3.490.352.863	67.556.309.599

Đơn vị: VND

Ghi chú: (i) Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25/04/2013, lợi nhuận sau thuế năm 2012 được dùng để trích Quỹ Đầu tư phát triển 460.000.000 đồng, Quỹ Dự phòng tài chính 461.585.831 đồng, Quỹ Khen thưởng 100.000.000 đồng, Quỹ Phúc lợi 100.000.000 đồng, Quỹ Khen thưởng của Ban điều hành 100.000.000 đồng, tạm ứng cổ tức năm 2013 với tỷ lệ là 10% trên mệnh giá cổ phiếu. Đến ngày 30/06/2013, cổ tức đã chi tạm ứng là 5.668.767.000 đồng.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	30/06/2013	31/12/2012		
Tổng số Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	
Vốn đầu tư của Nhà nước	16.341.140.000	-	16.341.140.000	16.341.140.000
Vốn góp của các cổ đông	40.688.260.000	-	40.688.260.000	40.688.260.000
Tổng cộng	57.029.400.000	-	57.029.400.000	57.029.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.862.285.699	19.643.980.746
Doanh thu bán hàng	5.185.147.170	4.297.696.476
Tổng	26.047.432.869	23.941.677.222

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.260.978.289	7.001.653.118
Giá vốn hàng bán	4.846.367.122	4.067.990.492
Tổng	16.107.345.411	11.069.643.610

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.505.093	4.298.701.028
Chi phí nhân công	8.211.299.797	7.359.421.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.751.885.554	1.803.645.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.657.090	2.447.392.362
Chi phí khác bằng tiền	6.000.884.447	1.946.855.819
Tổng	16.795.231.981	17.856.016.498

Chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.614.500
Chi phí nhân công	2.697.851.223
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.930.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	482.984.362
Chi phí khác bằng tiền	1.396.054.358
Tổng	4.616.435.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	621.431.461	1.059.609.432
Cổ tức, lợi nhuận được chia	228.420.000	973.318.334
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	29.024.444
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	168.717.500
Tổng	849.851.461	2.230.669.710

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí hoạt động tài chính	101.520.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	312.708
Tổng	101.520.000	312.708

18. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu nhập dịch vụ trông xe, tiền điện	1.652.478.732	1.138.690.407
Thu nhập khác	40.874.692	578.567.607
Thu nhập khác	1.693.353.424	1.717.258.014
Chi phí của dịch vụ trông xe, tiền điện	1.449.047.205	1.512.228.879
Chi phí khác	264.115.959	123.232.734
Chi phí khác	1.713.163.164	1.635.461.613
Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động khác	(19.809.740)	81.796.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	4.684.374.480	8.750.480.043
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	104.794.937	(560.976.644)
- Giảm: Doanh thu không chịu thuế	-	973.318.334
- Tăng: Chi phí không được tính thuế	104.794.937	412.341.690
Thu nhập chịu thuế, trong đó:	4.789.169.417	8.189.503.399
+ Thu nhập chịu thuế công ty mẹ	4.906.570.020	8.348.127.663
+ Thu nhập chịu thuế công ty con	(117.400.603)	(158.624.264)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, trong đó:	1.226.642.505	1.460.922.341
+ Thuế thu nhập hiện hành công ty mẹ	1.226.642.505	1.460.922.341
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.226.642.505	1.460.922.341

20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.457.731.975	7.289.557.702
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	606	1.278
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

21. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Tiền cho Ông Vũ Văn Thiệu thuê nhà	11.181.816	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lương Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	219.062.231	464.771.626
Thưởng	-	55.420.000
Các khoản phụ cấp	139.145.000	82.143.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty có các hợp đồng thuê đất của Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất Hà Nội về việc thuê đất tại số 353 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân thuê trong vòng 50 năm từ năm 2004; thuê tại số 79A Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng trong vòng 30 năm từ năm 2003; thuê tại Đức Giang, quận Long Biên trong vòng 30 năm từ năm 2004.

Công ty có thực hiện ký hợp đồng thuê nhà đất với Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội về việc thuê văn phòng tại địa chỉ số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Theo đó, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014 với tổng tiền thuê nhà một tháng là 86.507.400 đồng.

Hợp đồng thuê nhà số 116 ngày 06/04/2012 và phụ lục điều chỉnh hợp đồng thuê nhà số 313 ngày 31/12/2012 ký với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh, thời gian thuê nhà là 01 năm từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 31/12/2013, giá tiền thuê nhà hàng tháng là 60.000.000 đồng/tháng. Tiền thuê nhà được thanh toán 3 tháng/1 lần trong vòng 30 ngày của tháng đầu quý tiếp theo.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	15.646.225.624	18.005.490.451
Nợ thuần	(15.646.225.624)	(18.005.490.451)
Vốn chủ sở hữu	<u>67.556.309.599</u>	<u>70.866.973.228</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-23,16%</u>	<u>-25,41%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮCSố 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013
đến ngày 30/06/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.646.225.624	18.005.490.451
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>3.529.567.186</u>	<u>1.639.098.962</u>
Tổng cộng	<u>19.175.792.810</u>	<u>19.644.589.413</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	5.766.761.551	3.877.723.017
Chi phí phải trả	4.800.000	196.126.005
Tổng cộng	<u>5.771.561.551</u>	<u>4.073.849.022</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 VND	Trên 5 VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.646.225.624	-	-	15.646.225.624
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.529.567.186	-	-	3.529.567.186
Cộng	19.175.792.810	-	-	19.175.792.810
Tại ngày 30/06/2013				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.666.761.551	100.000.000	-	5.766.761.551
Chi phí phải trả	4.800.000	-	-	4.800.000
Cộng	5.671.561.551	100.000.000	-	5.771.561.551
Chênh lệch thanh khoản thuần	13.504.231.259	(100.000.000)	-	13.404.231.259
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.005.490.451	-	-	18.005.490.451
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.639.098.962	-	-	1.639.098.962
Cộng	19.644.589.413	-	-	19.644.589.413
Tại ngày 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.877.723.017	-	-	3.877.723.017
Chi phí phải trả	196.126.005	-	-	196.126.005
Cộng	4.073.849.022	-	-	4.073.849.022
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.570.740.391	-	-	15.570.740.391

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác.



Vũ Văn Thiệu
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà
Người lập